TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2021.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã LT, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Bích Ch, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã VVA, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, anh Lê Tuấn A và chị Đỗ Thị Bích Ch sau thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, hôn nhân do

chúng tôi cùng tự nguyện. Đến ngày 22/6/2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn thương yêu chăm sóc nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Anh Tuấn A và chị Ch có 01 con chung tên Lê Đan A (giới tính: nữ), sinh ngày: 08/10/2018. Cháu A hiện đang sống chung với chị Ch.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Tuấn A vắng mặt có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu chứng cứ mà anh Tuấn A đã cung cấp để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng chị Ch có cung cấp cho tòa án bản tự khai trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Ch đồng ý ly hôn với anh Tuấn A; Về con chung chị Chi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, chưa yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn A và chị Ch.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn A, cho ly hôn giữa anh Tuấn A và chị Ch; Về con chung: Giao cháu A cho chị Chi tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tuấn A chưa phải cấp dưỡng do chị Ch chưa yêu cầu, anh Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí buộc anh Tuấn A phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn anh Lê Tuấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Đỗ Thị Bích Ch. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Tuấn A và bị đơn chị Đỗ Thị Bích Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn A và chị Ch nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, anh Tuấn A và chị Ch tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh Tuấn A và chị Ch được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Tuấn A và chị Ch phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Tuấn A cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị Ch không thể hàn gắn, anh Tuấn A không thể tiếp tục sống chung với chị Ch được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập anh Tuấn A và chị Ch nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng chị Ch xin vắng mặt. Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Tuấn A và chị Ch thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy họ đã không còn chung sống một nhà, mạnh ai nấy sống, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh Tuấn A và chị Ch thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, anh Tuấn A và chị Ch đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay nhưng anh chị không hàn gắn lại được. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh Tuấn A và chị Ch không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà anh Tuấn A yêu cầu xin ly hôn với chị Ch là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tuấn A. Cho anh Tuấn A và chị Ch được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Anh Tuấn A và chị Ch có 01 con chung tên Lê Đan A (giới tính: nữ), sinh ngày: 08/10/2018. Cháu A hiện đang sống chung với chị Ch. Khi ly hôn anh Tuấn A thống nhất giao cháu A cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi anh Tuấn A và chị Ch ly thân cho đến nay, cháu A sống chung với chị Ch, được chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Chị Ch cũng có yêu cầu được nuôi cháu A. Hơn nữa, cháu A có giới tính là nữ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của A nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu A cho chị Ch được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi, chị Ch cũng thống nhất nên ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh Tuấn A và chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Anh Tuấn A và chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tuấn A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[3.2]. Án phí cấp dưỡng: Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tuấn A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn A đối với chị Đỗ Thị Bích Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn A và chị Đỗ Thị Bích Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đan A (giới tính: nữ), sinh ngày: 08/10/2018 cho chị Đỗ Thị Bích Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đan A mỗi tháng 2.000.000 đồng của anh Lê Tuấn A. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Lê Đan A tròn 18 tuổi. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Tuấn A và chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Tuấn A và chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lê Tuấn A phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A đã nộp theo lai thu số 0006872 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5.2. Án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn anh Lê Tuấn A phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Nguyên đơn, bi đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã LT;
- Các dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp